

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 6 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán  
kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách  
nhà nước trên địa bàn tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 48/TTr-SKHCN ngày 01 tháng 6 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp và hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban Nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 và thay thế Quyết định số 42/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về việc ban hành Quy định một số mức chi thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hải Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH**

**Một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND,  
Ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (khoa học và công nghệ) cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, gồm: định mức xây dựng dự toán kinh phí, định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; việc thẩm định giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Các quy định khác có liên quan đến định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành có liên quan khác.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II  
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 3. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước****1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp**

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

| STT | Nội dung công việc   | Dự kiến kết quả                                                                              |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nghiên cứu tổng quan | Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu |

|   |                                                                                                                           |                                                                                                                                     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Đánh giá thực trạng                                                                                                       | Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu                                                                                            |
| 3 | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu                              | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu                                   |
| 4 | Nội dung nghiên cứu chuyên môn                                                                                            | Báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn                                                                                               |
| 5 | Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ | Báo cáo kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ                            |
| 6 | Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác  | Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác |
| 7 | Tổng kết, đánh giá                                                                                                        | Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp                                                                               |

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 04 giờ được tính 01 ngày công, dưới 04 giờ được tính  $\frac{1}{2}$  ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại điểm a khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

**Tc:** Dự toán tiền công của chức danh

**Lcs:** Lương cơ sở do Nhà nước quy định

**Hsten:** Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

**Snc:** Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

| STT | Chức danh          | Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd) | Hệ số lao động khoa học (Hkh) | Hệ số tiền công theo ngày $Hsten = (Hcd \times Hkh)/22$ |           |
|-----|--------------------|----------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|
|     |                    |                                  |                               | Cấp tỉnh                                                | Cấp cơ sở |
| 1   | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 6,92                             | 1,63                          | 0,51                                                    | 0,36      |

|   |                                             |      |      |      |      |
|---|---------------------------------------------|------|------|------|------|
| 2 | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 5,42 | 1,3  | 0,32 | 0,22 |
| 3 | Thành viên                                  | 3,66 | 0,98 | 0,16 | 0,11 |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ             | 2,86 | 0,78 | 0,10 | 0,07 |

## 2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

### a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 20.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/01 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 20.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 15% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này thì Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

### b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 25% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

### 5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo Nghị quyết số 27/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh, về việc quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Quyết định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa đối với hội thảo khoa học như sau:

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

- + Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi hội thảo
- + Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/buổi hội thảo
- + Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.200.000 đồng/báo cáo
- + Báo cáo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 700.000 đồng/báo cáo
- + Thành viên tham gia hội thảo: 150.000 đồng/buổi hội thảo

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

- + Người chủ trì: 700.000 đồng/buổi hội thảo
- + Thư ký hội thảo: 200.000 đồng/buổi hội thảo
- + Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 850.000 đồng/báo cáo
- + Báo cáo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo
- + Thành viên tham gia hội thảo: 100.000 đồng/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Quy định này.

### 7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

### **Điều 4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

#### 1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

##### a) Chi tiền công

*Đơn vị tính: 1000 đồng*

| TT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp |
|----|--------------------|-------------|------------------------------------|------------------------------------|
|----|--------------------|-------------|------------------------------------|------------------------------------|

|          |                                                                                                            |                                    | <b>tỉnh</b> | <b>cơ sở</b> |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------|--------------|
| <b>1</b> | <b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                                                  |                                    |             |              |
| a        | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ                                            | Hội đồng                           |             |              |
|          | Chủ tịch hội đồng                                                                                          |                                    | 700         | 500          |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                                                 |                                    | 500         | 350          |
|          | Thư ký hành chính                                                                                          |                                    | 200         | 150          |
|          | Đại biểu mời tham dự                                                                                       |                                    | 150         | 100          |
| b        | Chi nhận xét đánh giá                                                                                      | 01 phiếu nhận xét đánh giá         |             |              |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                                                                     |                                    | 200         | 150          |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                                     |                                    | 400         | 300          |
| <b>2</b> | <b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>    |                                    |             |              |
| a        | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng                           |             |              |
|          | Chủ tịch hội đồng                                                                                          |                                    | 1000        | 700          |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                                                 |                                    | 700         | 500          |
|          | Thư ký hành chính                                                                                          |                                    | 200         | 150          |
|          | Đại biểu mời tham dự                                                                                       |                                    | 150         | 100          |
| b        | Chi nhận xét đánh giá                                                                                      | 01 phiếu nhận xét đánh giá/1 hồ sơ |             |              |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                                                                     |                                    | 400         | 300          |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                                     |                                    | 500         | 350          |
| <b>3</b> | <b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                                |                                    |             |              |
|          | Tổ trưởng tổ thẩm định                                                                                     | Nhiệm vụ                           | 500         | 350          |
|          | Thành viên tổ thẩm định                                                                                    | Nhiệm vụ                           | 300         | 200          |
|          | Thư ký hành chính                                                                                          | Nhiệm vụ                           | 200         | 150          |
|          | Đại biểu mời tham dự                                                                                       | Nhiệm vụ                           | 150         | 100          |
| <b>4</b> | <b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                            |                                    |             |              |
| a        | Chi họp Hội đồng nghiệm thu                                                                                | Nhiệm vụ                           |             |              |
|          | Chủ tịch hội đồng                                                                                          |                                    | 1000        | 700          |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                                                 |                                    | 700         | 500          |
|          | Thư ký hành chính                                                                                          |                                    | 200         | 150          |
|          | Đại biểu mời tham dự                                                                                       |                                    | 150         | 100          |

|   |                                                        |                            |     |     |
|---|--------------------------------------------------------|----------------------------|-----|-----|
| b | Chi nhận xét đánh giá                                  | 01 phiếu nhận xét đánh giá |     |     |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                 |                            | 400 | 300 |
|   | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |                            | 500 | 350 |

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

## 2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

## 4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp có họp Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Quy định này.

## **Điều 5. Thẩm định, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định kinh phí từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định trước khi trình Ủy ban Nhân dân tỉnh cho phép thực hiện. Trường hợp các nội dung chi chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định các nội dung chi cần thiết.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền giao, các Sở, ngành, địa phương thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

**Điều 7. Trách nhiệm thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hải Ninh**